TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 06 - 9 - 2019
V/v:Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Phức

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Trọng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã E, huyện E, tỉnh Đ

(Anh T và chị T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 09-7-2019, nguyên đơn anh Lê Trọng T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị T do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05-5-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy

ra cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng không khắc phục được sống ly thân từ tháng 9 năm 2009 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có một con chung là Lê Gia L, sinh ngày 03-11-2007, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng nuôi con chung và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-7-2019 và Biên bản lấy lời khai ngày 25-7-2019, bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trọng T kết hôn cùng nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã E, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05-5-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thể thay đổi tính cách. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị đồng ý, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có một con chung là Lê Gia L, sinh ngày 03-11-2007. Sau khi ly hôn, chị để cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, anh T, chị T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Lê Trọng T được ly hôn chị Phạm Thị T; về nuôi con chung: giao con chung Lê Gia L sinh ngày 03-11-2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh T nuôi con hoàn toàn, chị T không phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Trọng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Phạm Thị T, chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không tiến hành hòa giải vụ án án ly hôn giữa anh T và chị T và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Trọng T kết hôn với chị Phạm Thị T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05-5-2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, đôi bên không khắc phục được và đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Lê Gia L, sinh ngày 03-11-2007, anh T và chị T đều thống nhất để anh T trực tiếp nuôi con là L, chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Vì vậy cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh T nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu chị T góp cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Anh T và chị T thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Lê Trọng T và chị Phạm Thị T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho anh Lê Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Gia L, sinh ngày 03-11-2007. Chị Phạm Thị T không phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Trọng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005661 ngày 09-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (anh T đã nộp đủ).

5.Về quyền kháng cáo: Anh Lê Trọng T và chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy